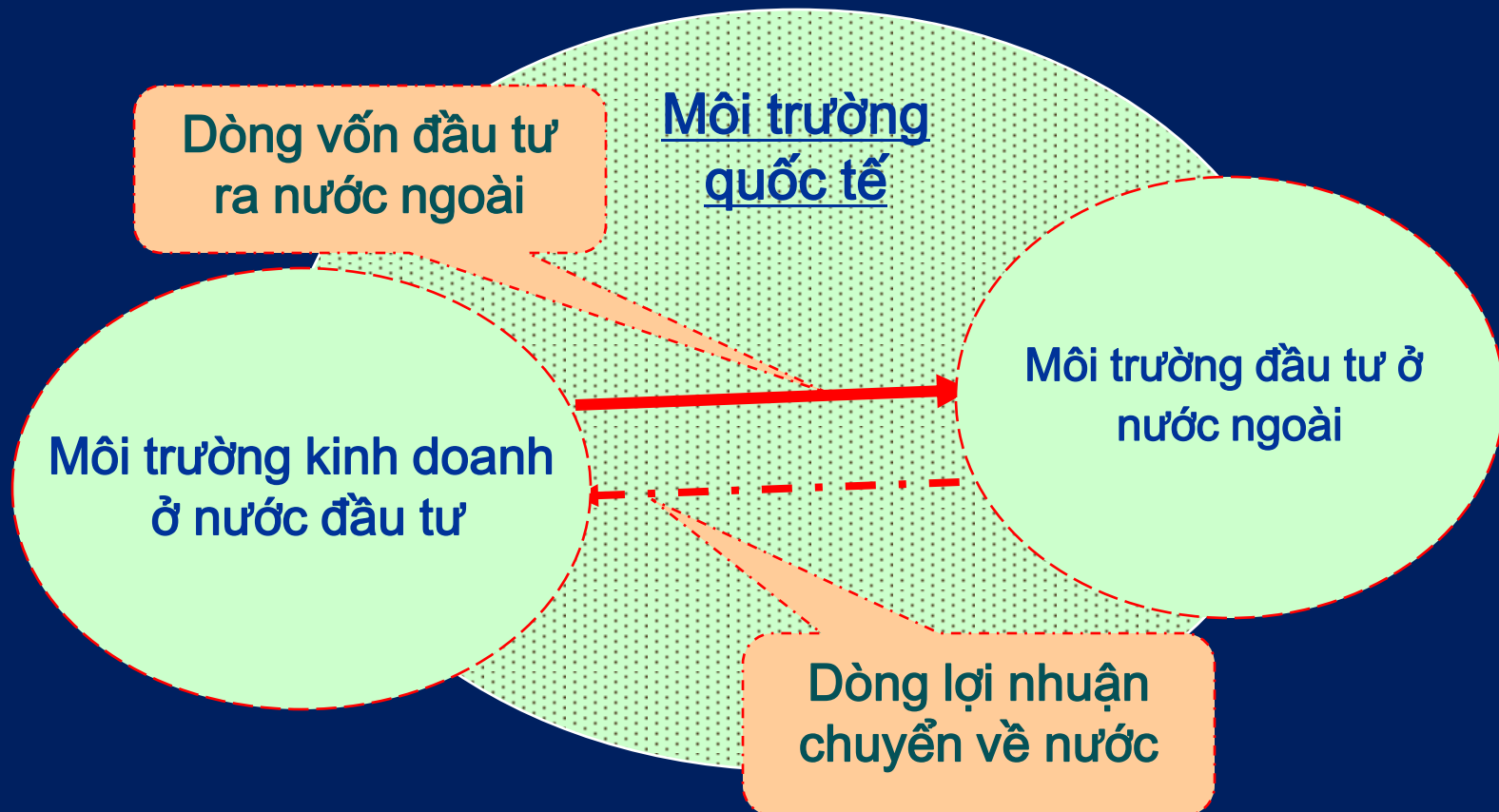


Chương 4: Môi trường đầu tư quốc tế

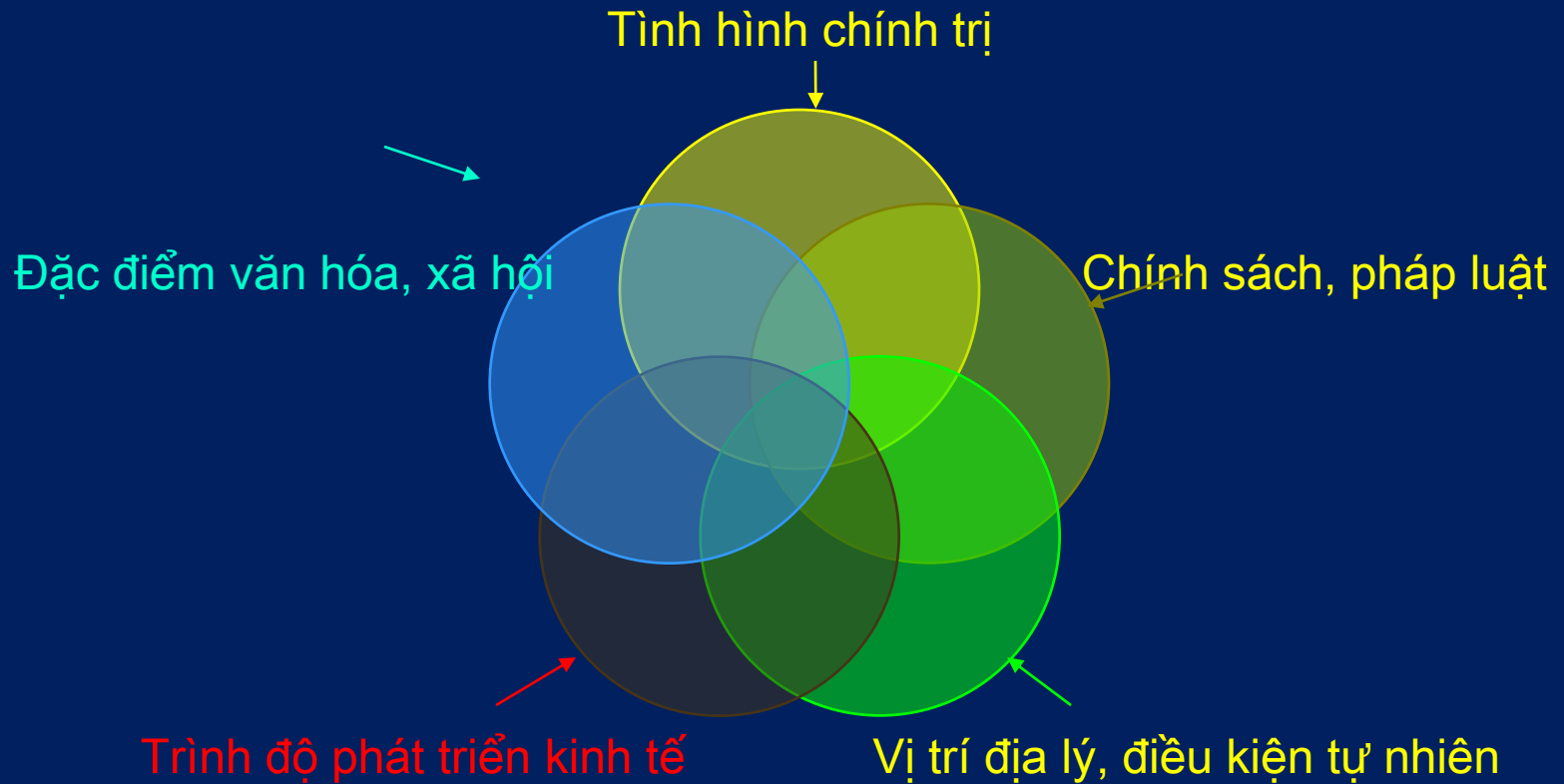
- Mục đích: Làm rõ các yếu tố quyết định lưu chuyển dòng ĐTQT
- Yêu cầu:
 - Nắm được các thành tố của môi trường ĐTQT
 - Mỗi thành tố bao gồm những yếu tố gì.
 - Nhận thức được điểm hấp dẫn và hạn chế của môi trường đầu tư nước ngoài ở Việt Nam
- Phương pháp:
 - Nghiên cứu từng thành tố về mặt lý thuyết
 - Phân tích một số trường hợp cụ thể
 - Nghiên cứu các yếu tố của môi trường đầu tư nước ngoài ở Việt Nam

Mô hình hóa môi trường ĐTQT



Nguồn: Phùng Xuân Nhạ, Đầu tư quốc tế, 2001, trang 72

Môi trường đầu tư ở nước ngoài



Tình hình chính trị

- Ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết đảm bảo cam kết của chính phủ nước chủ nhà với các nhà đầu tư nước ngoài về:
 - Sở hữu vốn đầu tư (Không tịch thu, quốc hữu hóa tài sản hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài)
 - Định hướng đầu tư của nước chủ nhà và duy trì ưu đãi trong chính sách thu hút các nhà đầu tư nước ngoài
- Ổn định chính trị là điều kiện gián tiếp để:
 - Duy trì ổn định kinh tế, xã hội ở nước chủ nhà
 - Đường lối đối ngoại của nước chủ nhà
- Phân tích một số trường hợp điển hình (case study)

Chính sách, pháp luật

(hành lang pháp lý)

Các khía cạnh được các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm:

- Đủ luật, chính sách cho các hoạt động kinh doanh và cuộc sống của nhà đầu tư nước ngoài ở nước chủ nhà
- Tính đồng bộ, chặt chẽ, minh bạch và hiệu lực thực hiện cao
- Không phân biệt đối xử, ưu đãi đầu tư và sinh hoạt ở nước chủ nhà
- Phù hợp với thông lệ quốc tế

Các khía cạnh quan tâm khác:

- Thủ tục hành chính
- Tham nhũng

Phân tích một số trường hợp điển hình

Mười tiêu chí để so sánh môi trường đầu tư năm 2007

(theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2006)

	Tiêu chí	Xếp hạng	Trình tự, thời gian, chi phí	So với 2006
	Tổng thể	104/175		(-) (98/175)
1	Thành lập doanh nghiệp.	97/175 Sau Thái Lan, Singapore, Malaysia	- 11 bước/50 ngày - chi phí thành lập: 44,5% GDP/đầu người	(-) (+) (50%)
2	Cấp giấy phép	25/175 Sau Thái Lan, Singapore Trên Trung Quốc, Malaysia, Indônêsi	- 113 ngày - Chi phí cấp giấy phép kinh doanh (56,4% thu nhập/đầu người) - 14 bước/133 ngày	(+) (143 ngày) (+) (64,1%)
3	Tuyển dụng và sa thải lao động.	104/175 Sau Thái Lan, Singapore, Trung Quốc, Malaysia	Chỉ số khắt khe trong chế độ tuyển dụng lao động giảm (31/100)	(+) (51/100)

	Tiêu chí	Xếp hạng	Trình tự, thời gian, chi phí	So với năm trước
4	Đăng ký tài sản.	34/175 - Sau Singapore, Thái Lan, Ấn Độ. - Trên Trung Quốc	-4 bước/67 ngày -1,2% tổng giá trị tài sản	- Có cải thiện (+)nhưng vẫn: -Mất nhiều thời gian đăng ký (-) - Quy trình hợp thức hóa còn nhiều khó khăn (-)
5	Vay vốn	83/175 -Sau Malaysia, Singapore, Thái Lan, Ấn Độ - Trên Trung Quốc	- Thông tin về độ tin cậy của cá nhân, công ty, không được chia sẻ. Ngân hàng rất ngại cho vay.	(-) Việc tiếp cận tín dụng sẽ bị hạn chế
6	Bảo vệ nhà đầu tư	170/175 - Thua tất cả các nước trong khu vực	-Chỉ số bảo vệ nhà đầu tư chỉ đạt 2/10	(-)
7	Đóng thuế	120/175 - Thua Thái Lan, Singapore, Malaysia, Campuchia, Phillipine	-32 lần/năm/1050 giờ - Chịu chi phí 41,6% tổng lợi nhuận để đóng thuế	(-)

	Tiêu chí	Xếp hạng	Trình tự, thời gian, chi phí	So với năm trước
8	Thương mại quốc tế	75/175 - Sau Trung Quốc, Malaysia, Singapore	Mất nhiều thời gian làm thủ tục xuất nhập khẩu	(-)
9	Thực thi hợp đồng	94/175 Sau Singapore, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Phillipine	- Thời gian cưỡng chế thực hiện hợp đồng giảm còn 295 ngày - 37 bước - Chi phí 30,1% giá trị hợp đồng để thu hồi nợ khó đòi hoặc giải quyết tranh chấp	(+) (343 ngày) -Kém cạnh tranh (-) -Chi phí cao (-)
10	Giải thể doanh nghiệp	116/175 - Sau Singapore, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc	- Chi phí: 15% giá trị tài sản - Thu hồi: 17,95% trị giá tài sản - Thời gian giải quyết: 5 năm	- Cơ chế giải quyết phá sản kém hiệu quả (-) - Ít doanh nghiệp tuân theo quy định và thủ tục chính thức khi muốn đóng cửa (-)

Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

- Tính hấp dẫn về vị trí địa lý:
 - Địa điểm: gần nơi sản xuất/thị trường tiêu thụ lớn, chi phí vận tải thấp,...
 - Địa hình: thuận lợi cho xây dựng nhà máy, giao thông thuận lợi
- Tính hấp dẫn về điều kiện tự nhiên:
 - Khí hậu: Giảm hao mòn, dễ vận hành thiết bị, thích hợp với nhà đầu tư
 - Khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn
 - Nhiều danh lam thắng cảnh đẹp
 - Dân cư
- Trường hợp điển hình

Trình độ phát triển kinh tế

- Tính hấp dẫn/cản trở của trình độ phát triển kinh tế đối với các nhà đầu tư nước ngoài:

- Trình độ quản lý kinh tế vĩ mô: hiệu quả vận hành nền kinh tế, thủ tục hành chính, mức độ tiếp cận thuận lợi của các nhà đầu tư nước ngoài vào nước chủ nhà.

- Số và chất lượng dịch vụ: liên quan đến điều kiện hoạt động, hiệu quả đầu tư, sinh hoạt của nhà đầu tư nước ngoài.

- Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa: khai thác lợi thế cạnh tranh của các công ty nước ngoài trong tiêu thụ sản phẩm ở nước chủ nhà.

- Trường hợp điển hình

Đặc điểm văn hóa xã hội

- Các khía cạnh quan trọng thường được các nhà đầu tư quan tâm:
 - Cách tư duy: giảm bất đồng, tăng hòa nhập
 - Ngôn ngữ: thuận lợi trong giao tiếp, giảm chi phí học thổ ngữ
 - Tôn giáo, đạo đức xã hội: tín ngưỡng, hành vi ứng xử, tinh thần dân tộc
 - Tập quán, thị hiếu: tác phong làm việc, gu tiêu dùng
 - Giáo dục: số và chất lượng nguồn lao động
- Trường hợp điển hình

Các yếu tố quyết định thu hút FDI của nước chủ nhà

I. Chính sách FDI:

- Kinh tế
- Ổn định chính trị xã hội
- Các định chế hoạt động
- Đặc điểm thị trường
- Hiệp định đầu tư
- Tư nhân hóa
- Thương mại
- Thuế

II. Các yếu tố kinh tế

III. Các yếu tố thuận lợi cho kinh doanh

- Cơ sở hạ tầng
- Khuyến khích đầu tư
- Tiêu cực phí
- Điều kiện sống
- Dịch vụ sau đầu tư

Phân loại FDI theo mục đích đầu tư của TNCs

Các yếu tố kinh tế cơ bản quyết định FDI

A. Tìm kiếm thị trường

- Qui mô, cơ cấu thị trường
- Thu nhập dân cư
- Tăng trưởng thị trường
- Hội nhập quốc tế

B. Tìm nguyên liệu/tài sản

- Nguyên liệu thô
- Lao động phổ thông rẻ
- Lao động lành nghề
- Công nghệ, tài sản
- Cơ sở hạ tầng

C. Khai thác hiệu quả

- Giá nguyên liệu ở mục B, năng suất lao động
- Giá cả các yếu tố đầu vào khác

Những địa điểm kinh doanh hấp dẫn nhất Châu Á-Thái Bình Dương, 2005-2006

Ý kiến chuyên gia

1. Trung Quốc
2. Ấn Độ
3. Thái Lan
4. Hàn Quốc
5. Malaysia
6. Indônêsia
7. Việt Nam
8. Xingapore

Ý kiến TNCs

1. Trung Quốc
2. Ấn Độ
3. Thái Lan
4. Hàn Quốc
5. Malaysia
6. Indônêsia
7. Việt Nam
8. Xingapore

*Nguồn: Báo cáo triển vọng đầu tư 2005 của UNCTAD
Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr.37*

Một số lợi thế của môi trường đầu tư tại Việt Nam

Ý kiến của Ông Carlos Nascimento, Phó tổng giám đốc Công ty Liên doanh Phát triển Đình Vũ:

- Môi trường kinh tế thuận lợi
 - Quy hoạch vùng đặc biệt qui hoạch các khu công nghiệp làm tốt (có sẵn cơ sở hạ tầng)
 - Hạ tầng cơ sở, tiện ích cho nhà đầu tư có cải thiện (có kế hoạch xây dựng 30 cảng biển trong vòng 20 năm tới)
 - Nguồn nhân lực: ham học hỏi, chăm chỉ, có tâm lý tốt
 - Khuôn khổ pháp lý: đã có Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư nhưng vẫn cần được cải thiện hơn nữa. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đã cam kết giải quyết vấn đề này mạnh mẽ.
- Ý kiến của ông Lowell Gettman, Trưởng đại diện Khu vực Đông Nam Á, tập đoàn tài chính LLC
 - Việt Nam có nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ. 58% dân số dưới 30 tuổi. Người Việt Nam có kiến thức và khả năng tiếp cận công nghệ
 - Là nơi thu hút du khách nước ngoài

Nguồn: Thuý Trang, 21/01/2008, FDI và hiệu ứng từ gia nhập WTO, www.VNExpress.net

Vài điểm kém hấp dẫn của môi trường ĐTNN tại Việt Nam

- Ý kiến của Ông Kim Won Ho, Giám đốc phòng thương mại Hàn quốc tại Hà nội:
 - Năng lực cơ sở hạ tầng rất thấp (giao thông, thiếu điện, giải phóng mặt bằng và thu hồi đất chậm). Những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, thông tin của các DN chưa được đáp ứng đầy đủ dẫn đến việc giải ngân chậm.
 - Giá điện, nước, viễn thông tăng nhanh
 - Thiếu cán bộ có trình độ tiếng Anh, đặc biệt ở các vùng ngoại ô
 - Thông tin chưa rõ ràng
- Ý kiến của Kiyoshiro Ichikawa, Chuyên gia tư vấn đầu tư JICA:
 - Mở các lĩnh vực dịch vụ (vận tải thương mại)
 - Duy trì và thực hiện khuyến khích thuế đối với máy móc sử dụng trong các doanh nghiệp sản xuất hàng XK
 - Cải thiện giáo dục và hệ thống đào tạo để tăng lực lượng kỹ sư và công nhân lành nghề
- Ý kiến của ông Carlos Nascimento, Phó tổng giám đốc Công ty Liên doanh Phát triển Đình Vũ

Có vấn đề luật một đường đôi khi thực hiện luật ở cấp địa phương lại một đường. Hay liên quan đến WTO, có những luật, quy chế cần phải cải tiến hơn nữa.

Nguồn: Thuỳ Trang, FDI và hiệu ứng gia nhập WTO, www.VNExpress.net, ngày 21/01/2008.

XẾP HẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH TĂNG TRƯỞNG QUỐC GIA

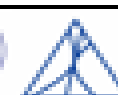
	<i>Xếp hạng 2005 (117 nước)</i>	Điểm xếp hạng 2005	<i>Xếp hạng 2004 (104 nước)</i>	Điểm xếp hạng 2004	<i>Xếp hạng 2003 (101 nước)</i>
VNam	81	3.37	77	3.47	60
TQuốc	49 (32)	4.07	46 (31)	4.29	44 (24)
TLan	36 (45)	4.50	34 (43)	4.58	29 (31)
Ấn Độ	50 (31)	4.04	55 (22)	4.07	56 (16)
Malaysia	24 (57)	4.90	31 (46)	4.88	29 (31)



Nguồn: Bài thuyết trình “Gia nhập WTO: Tiếp cận chiến lược phát triển mới” của PGS.TS Trần Đình Thiên, tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội, ngày 27/01/2008

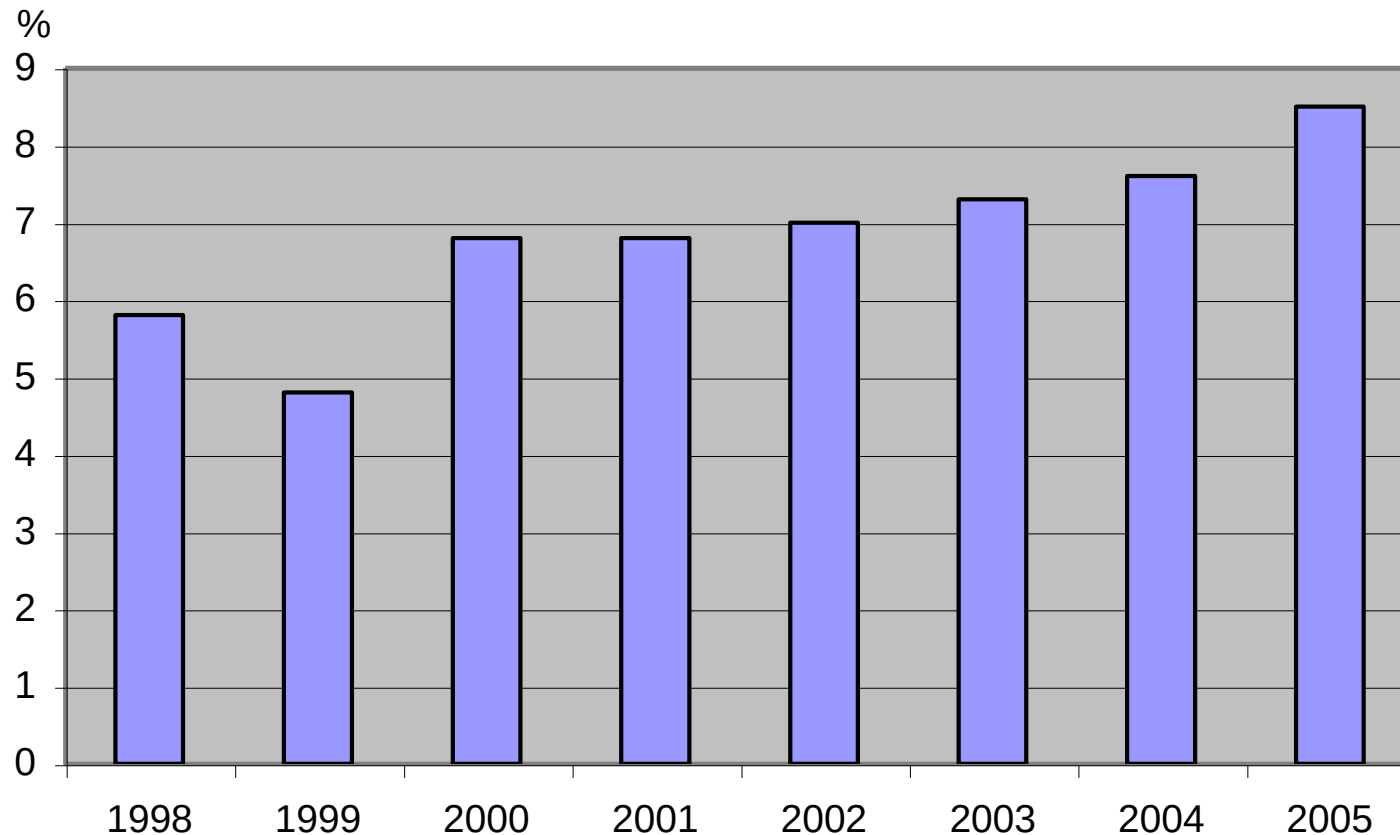
NĂNG LỰC CẠNH TRANH DOANH NGHIỆP

	Xếp hạng cạnh tranh doanh nghiệp		Xếp hạng chiến lược và hoạt động		Xếp hạng chất lượng môi trường kinh doanh	
	2005 (116 nước)	2004 (104 nước)	2005 (116 nước)	2004 (104 nước)	2005 (116 nước)	2004 (104 nước)
Việt Nam	80	79	81	81	77	79
TQuốc	57 (23)	47 (32)	53 (28)	39 (42)	58 (19)	47 (32)
Thái Lan	37 (43)	37 (42)	35 (46)	36 (45)	37 (40)	36 (33)
Malaysia	23 (57)	23 (56)	24 (57)	28 (53)	23 (54)	23 (56)
Ấn Độ	31 (49)	30 (49)	30 (51)	30 (51)	31 (46)	32 (47)



Nguồn: Bài thuyết trình “Gia nhập WTO: Tiếp cận chiến lược phát triển mới” của PGS.TS Trần Đình Thiên, tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội, ngày 27/01/2008

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam, 1998-2005



*Nguồn: Trung tâm dự báo Kinh tế - Xã hội quốc gia năm 2005
Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr.47*

So sánh thu nhập quốc dân/người của một số nước Châu Á

N- ớc	GDP bình quân đầu ng- ời (USD)		Chênh lệch so với Việt Nam (lần)	
	<i>Theo tỷ giá thị tr ờng</i>	<i>Theo ngang giá sức mua</i>	<i>Theo tỷ giá thị tr ờng</i>	<i>Theo ngang giá sức mua</i>
Việt Nam	480	2.490	1,0	1,0
Trung Quốc	1.100	4.990	2,3	2,0
Thái Lan	2.190	7.450	4,5	3,0
Malaysia	3.780	8.940	7,8	3,6
Hàn Quốc	12.020	17.930	25,0	7,2
Singapore	21.230	24.180	44,3	9,7
Nhật Bản	34.510	28.620	71,9	11,5

*Nguồn: Trung tâm thông tin và dự báo KT-XH Quốc gia
Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr.110*

Giá trị HDI của Việt Nam và các chỉ số cấu thành, 1999-2003

Năm	1999	2000	2001	2002	2003
HDI	0,682	0,686	0,688	0,691	0,704
Chỉ số giáo dục	0,846	0,838	0,832	0,817	0,717
Chỉ số tuổi thọ	0,710	0,720	0,726	0,733	0,758
Chỉ số kinh tế	0,490	0,500	0,506	0,523	0,537

Nguồn: Trung tâm dự báo KT-XH quốc gia, năm 2004

Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr. 37

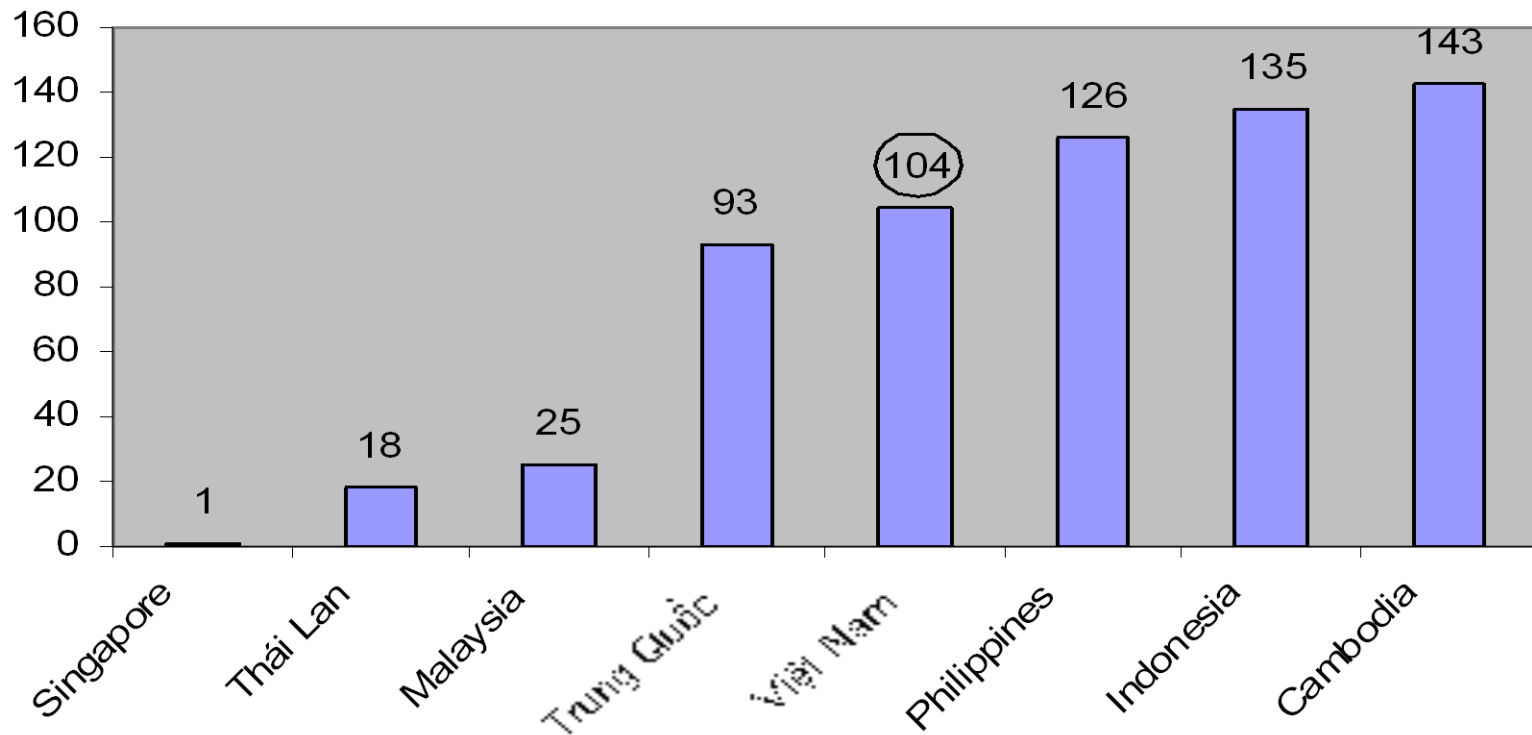
10 chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam trong năm 2007

	Xếp hạng 2006	Xếp hạng 2005	Thay đổi trong xếp hạng	2006	
Mức độ thuận lợi về...				Tốt nhất	Kém nhất
Kinh doanh	104	98	-6	Xinh-ga-po	CHDC Công-gô
Thành lập doanh nghiệp	97	89	-8	Canada	Guinea-Bissau
Cấp giấy phép	25	28	+3	St.Vincent và Grenadines	Đông Timo
Tuyển dụng và sa thải lao động	104	137	+33	Quần đảo Marshall	Sao Tome và Principle
Đăng ký bất động sản	34	30	-4		
Vay vốn	83	76	-7	Niu-di-lân	Đông Timo
Bảo vệ nhà đầu t-	170	170	0	Anh	Cam-pu-chia
Đóng thuế	120	116	-4	Niu-di-lân	Afghanistan
Th- ơng mại quốc tế	75	68	-7	Man-di-vơ	Belarus

Nguồn: Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, 12/2006

Xếp hạng môi trường kinh doanh thuận lợi của các nước trong khu vực

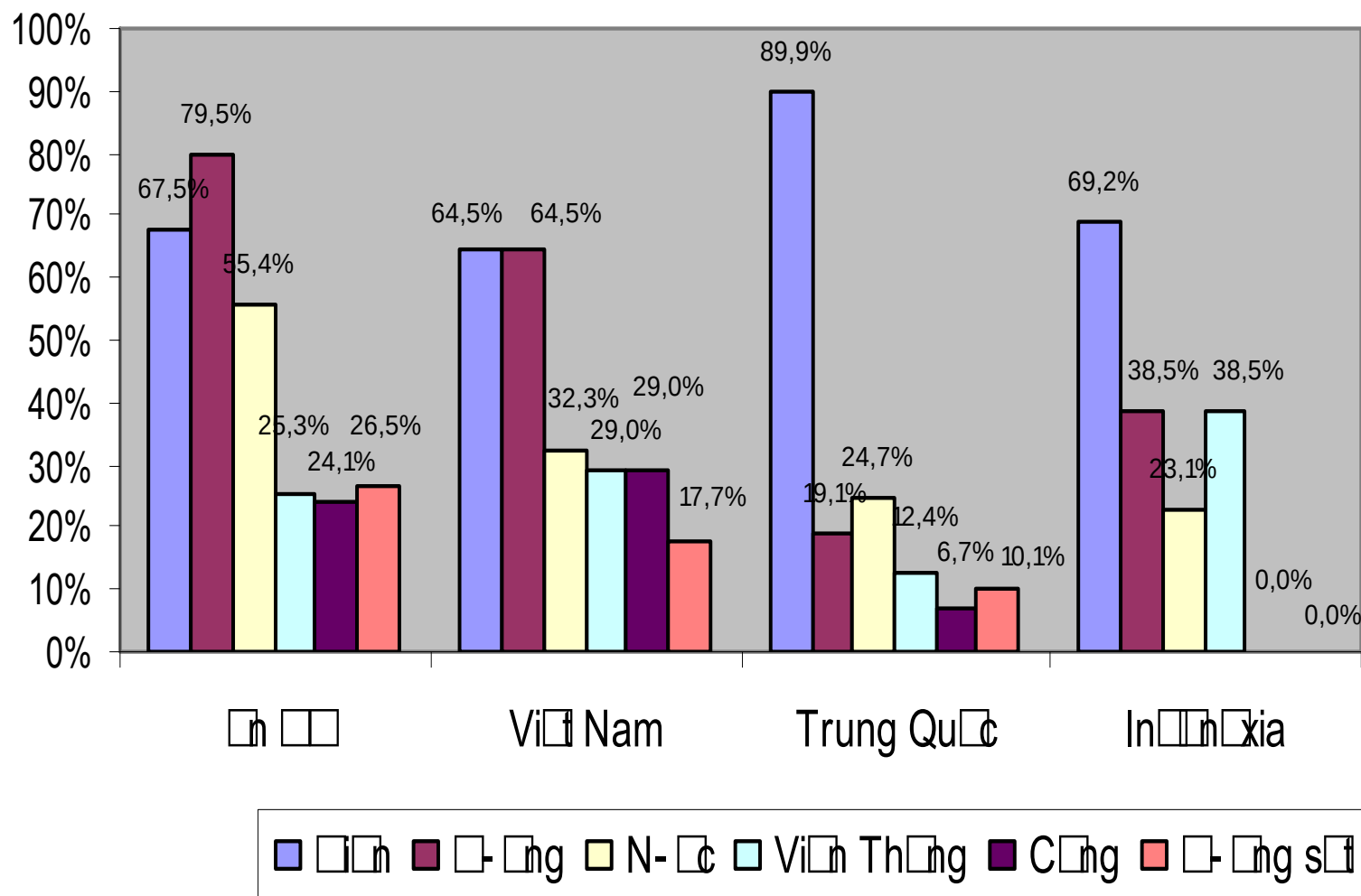
Môi trường kinh doanh thuận lợi - Xếp hạng



Nguồn diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, 12/2006

Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr. 114

Cơ sở hạ tầng kém phát triển



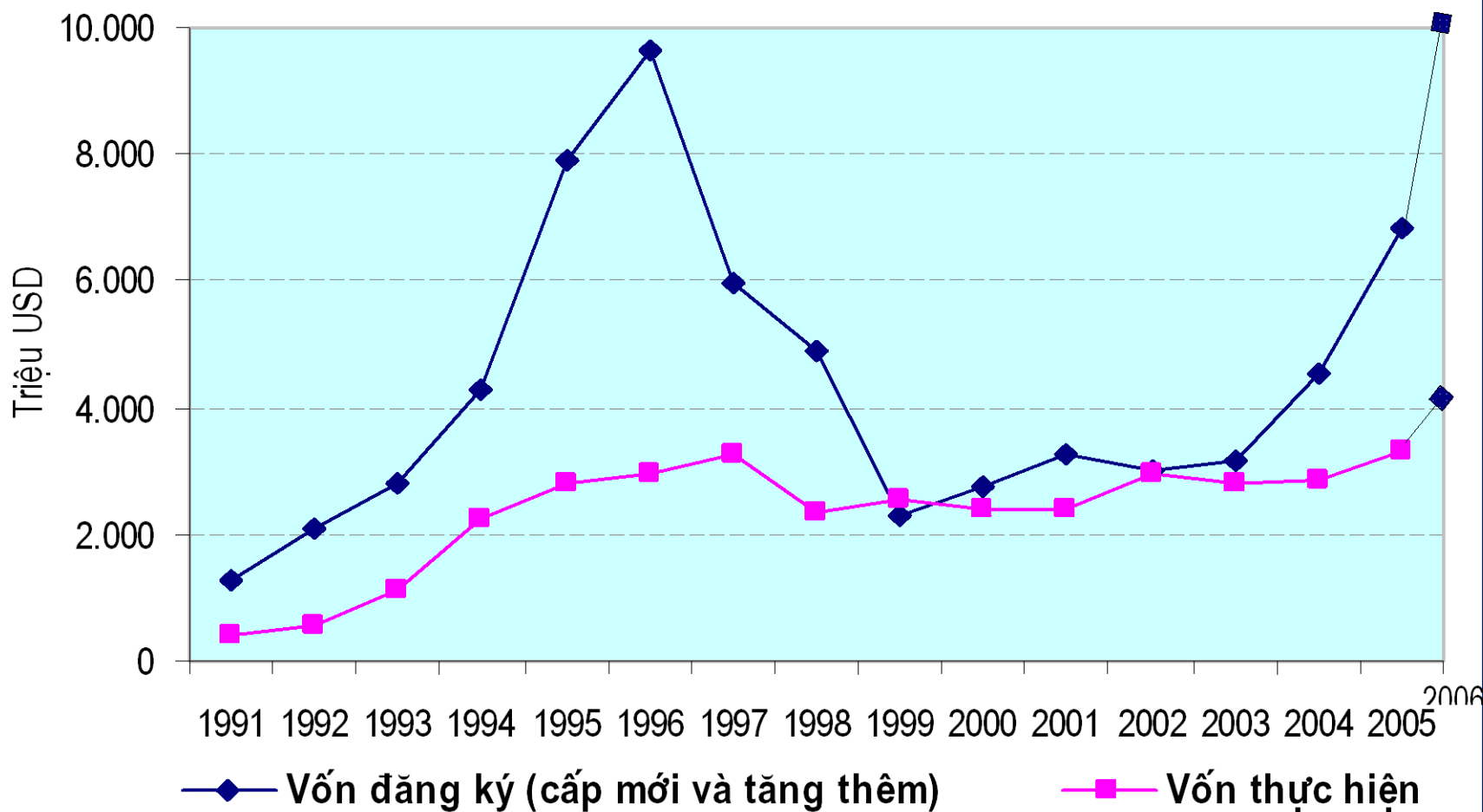
Nguồn: Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, tháng 12/20
 Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr.66

Điểm chỉ số nhận biết tham nhũng (CPI) của Việt Nam

Năm	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Điểm	2,79	2,5	2,6	2,5	2,6	2,4	2,4	2,6
Xếp hạng	43	74	75	76	75	85	100	102
Tổng số n-ớc	52	85	99	90	91	102	133	146

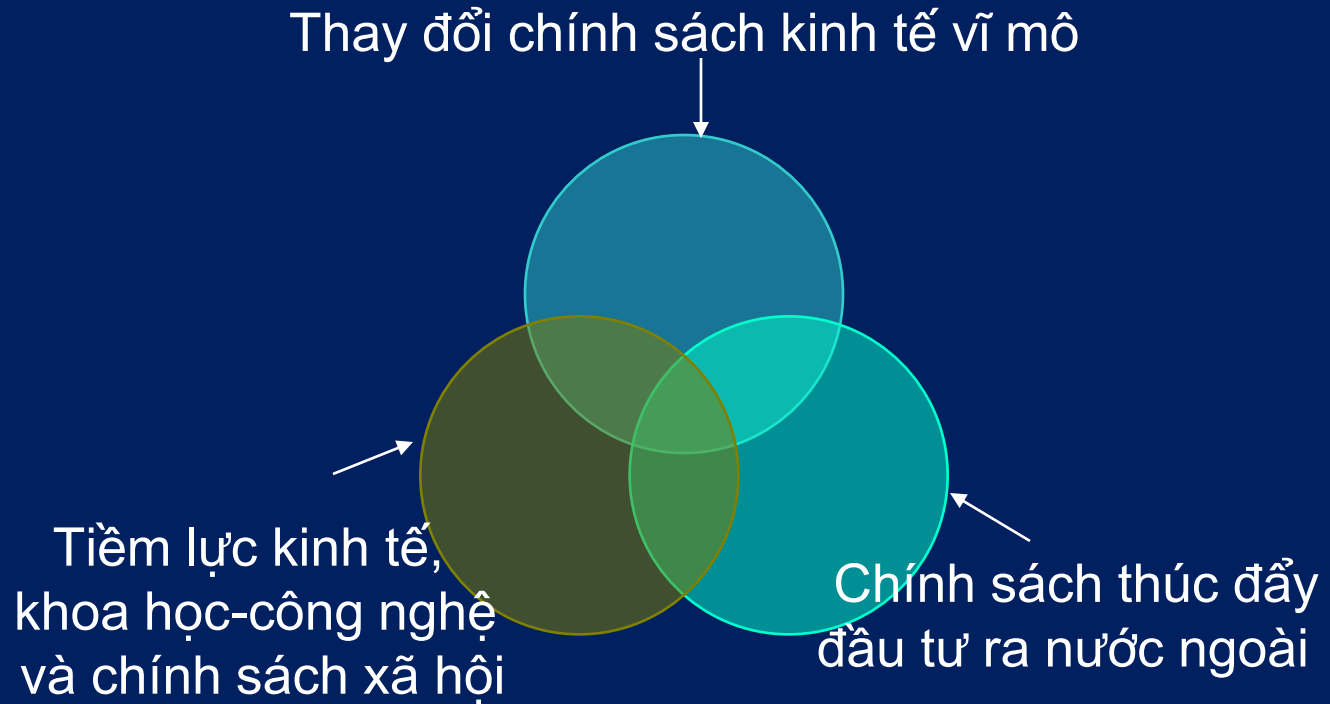
*Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế, (www.transparency.or)
Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr.69*

Dòng vốn FDI vào Việt Nam, 1991-2005



*Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2006
Trích lại từ luận văn thạc sỹ của Nguyễn Minh Hiền, 2006, tr.49*

Môi trường kinh doanh ở nước đầu tư



Thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô

- Chính sách tài chính-tiền tệ:
 - Thay đổi lãi suất, tỷ giá hối đoái
 - Tăng/giảm thuế, lạm phát
- Chính sách xuất nhập khẩu:
 - Ưu đãi hạn ngạch xuất/nhập khẩu
 - Điều chỉnh danh mục và biểu thuế xuất /nhập khẩu
- Chính sách quản lý ngoại hối:
 - Tự do hóa hoặc hạn chế thị trường vốn
 - Quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng
- Trường hợp điển hình

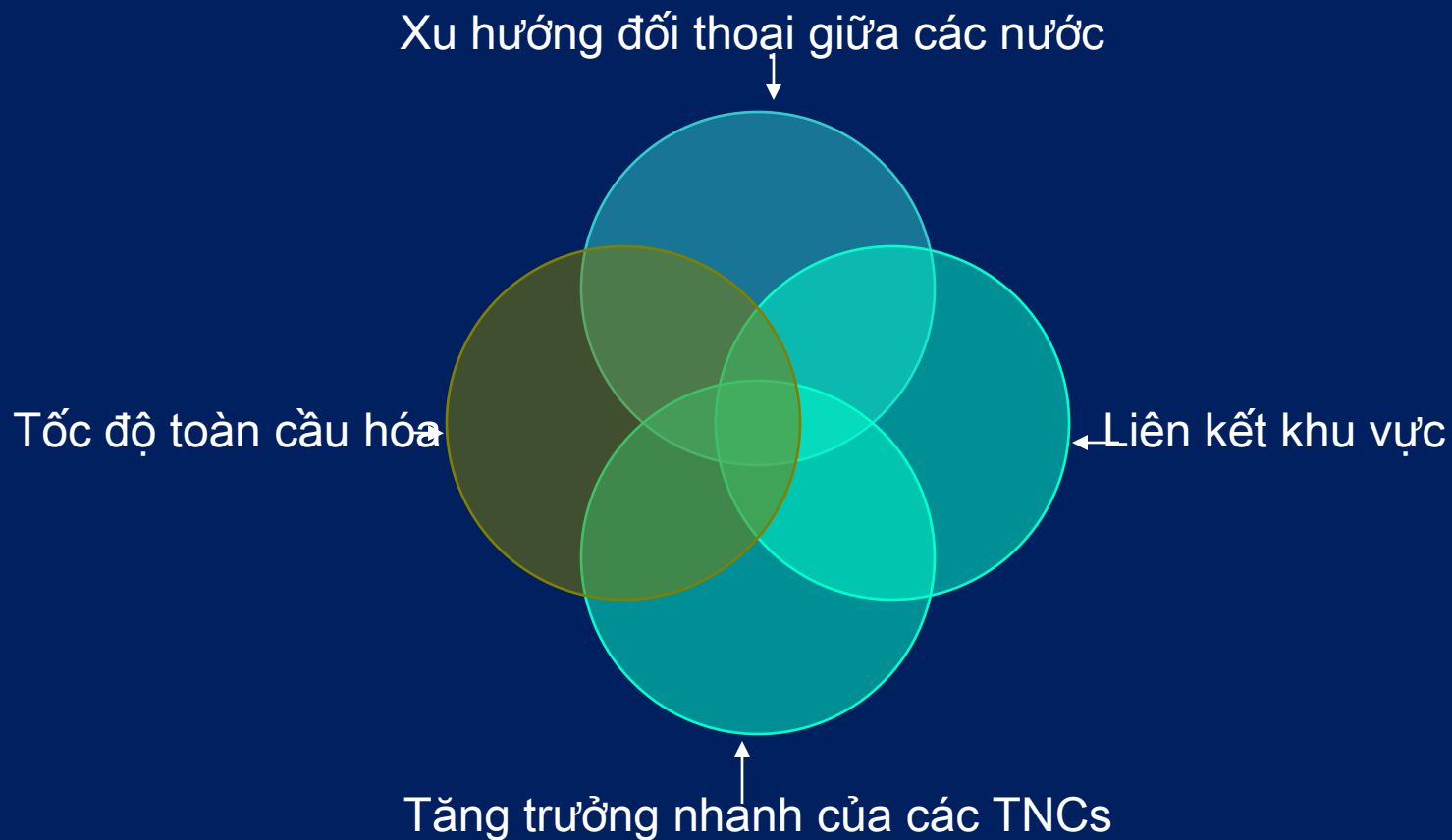
Các hoạt động thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài

- Ký kết các hiệp định đầu tư, tránh đánh thuế hai lần:
 - Hiệp định đầu tư song phương (BIT) và đa biên (MAI): Tạo cơ sở pháp lý và ưu đãi đầu tư cho các công ty đầu tư ở nước ngoài.
 - Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: tạo ra các hấp dẫn về tài chính cho các công ty đầu tư ra nước ngoài.
- Trợ giúp tài chính trong xúc tiến đầu tư, bảo hiểm đầu tư:
 - Hỗ trợ tài chính cho các chương trình xúc tiến đầu tư, khảo sát...
 - Bảo hiểm rủi ro đầu tư cho các công ty đầu tư ở nước ngoài
- Các hoạt động khác:
 - Viện trợ phát triển chính thức: nhân đạo và phát triển
 - Các chính sách, dịch vụ cần thiết khác
- Trường hợp điển hình

Tiềm lực kinh tế, khoa học-công nghệ và chính sách xã hội

- Khả năng tích lũy trong nước:
 - Tích lũy cao: dư thừa vốn (vượt cung)
 - Tiềm lực khoa học, công nghệ lớn: nhu cầu xuất khẩu công nghệ và khai thác lợi thế độc quyền mới ở nước ngoài.
- Chính sách phúc lợi xã hội cao:
 - giảm cản trở công ty chuyển sản xuất ra nước ngoài
 - công ty chuyển sản xuất ra nước ngoài để trốn thuế thu nhập ca
- Trường hợp điển hình

Môi trường quốc tế



Xu hướng đối thoại chính trị giữa các nước

- Đối thoại chính trị giữa các nước:

- Giảm đối đầu, chiến tranh lạnh: cấm vận, trừng phạt kinh tế...
- Hạn chế nguy cơ chiến tranh: giảm rủi ro đầu tư

- Hợp tác kinh tế:

- Tăng các hiệp định song phương/đa biên về thương mại và đầu tư....
- Thúc đẩy tự do hóa kinh tế: giảm bớt các rào cản thương mại, đầu tư...

- Hội nhập quốc tế:

- Hình thành các khu vực đầu tư tự do: xóa bỏ rào cản lưu chuyển vốn ĐTQT
- Giảm bớt rủi ro đầu tư: hạn chế nguy cơ chiến tranh, cấm vận...

- Trường hợp điển hình

Liên kết khu vực

- Khai thác được hiệu quả kinh tế theo qui mô:

- Mở rộng qui mô của thị trường: phân phối, tiêu thụ sản phẩm
- Giảm chi phí đầu tư: khai thác hiệu quả lợi thế so sánh giữa các nước

- Khai thác hiệu quả chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất quốc tế:

- Tăng chuyên môn hóa sản xuất: giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm
- Tạo cơ hội cho các TNCs thực hiện giá chuyển giao TNC cho các TNCs thực hiện giá chuyển giao: tránh thu nhập nhuần

- Trường hợp điển hình

Tăng trưởng nhanh của các TNCs

- TNCs và đầu tư quốc tế:

- Đầu tư quốc tế được thực hiện chủ yếu bởi TNCs: 2/3 tổng đầu tư toàn cầu (2002)
- Thúc đẩy tự do hóa đầu tư: do lợi ích các TNCs mang lại cho nước chủ nhà

- TNCs và cách mạng khoa học – công nghệ:

- Thúc đẩy sự phát triển của khoa học- công nghệ: TNCs là chủ thể chính thực hiện R&D
- Hỗ trợ phát triển khoa học-công nghệ: đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực

- Trường hợp điển hình

Tốc độ toàn cầu hóa

■ Toàn cầu hóa và sản xuất quốc tế:

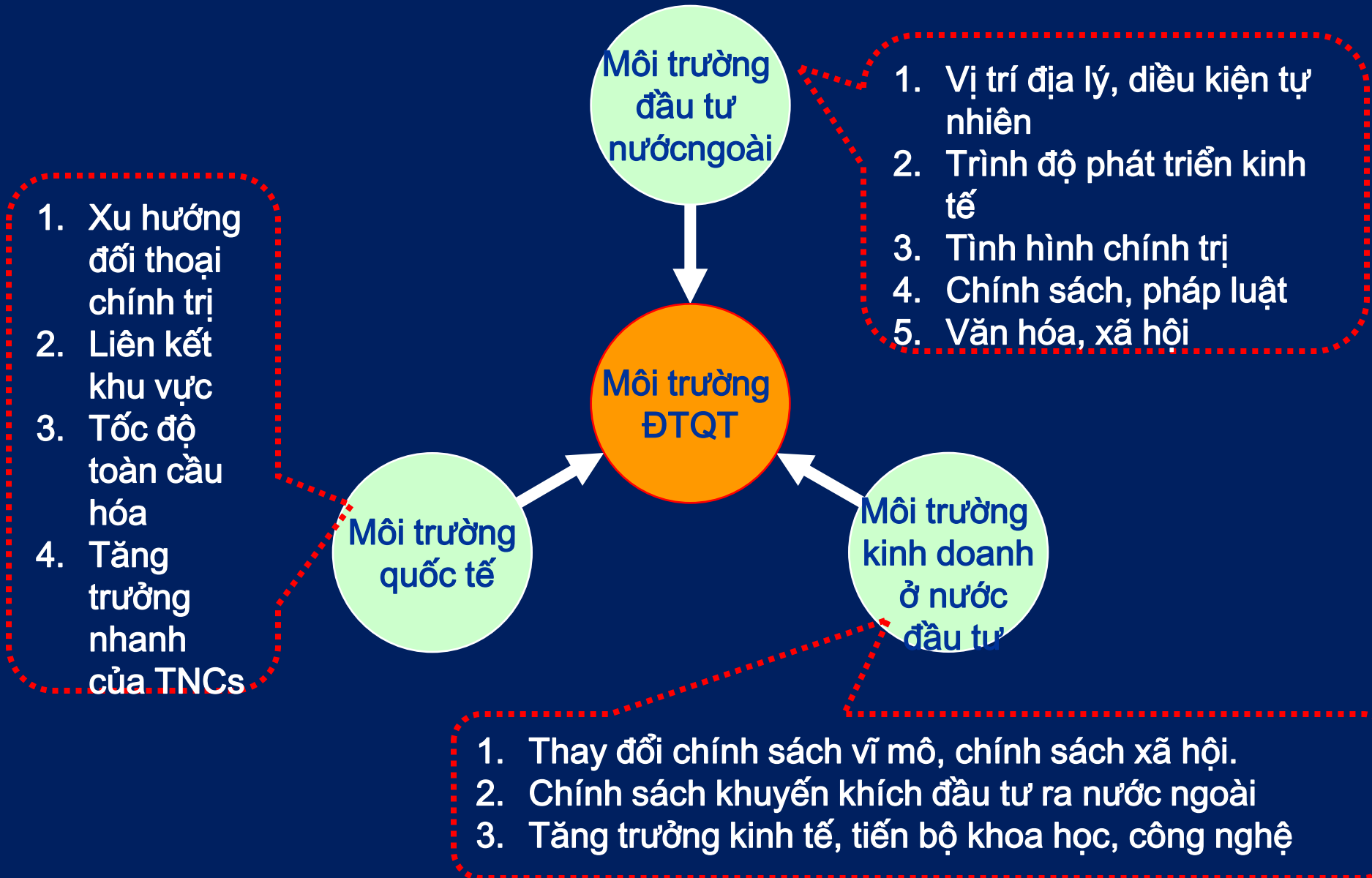
- Tăng cường chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất giữa các nước: tạo cơ hội cho các TNCs khai thác lợi thế cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho phân bổ các nguồn lực sản xuất quốc tế: tối thiểu hóa chi phí giao dịch của các TNCs

■ Toàn cầu hóa và tự do hóa đầu tư:

- Giảm bớt các rào cản lưu chuyển các yếu tố sản xuất giữa các nước: tạo điều kiện cho các công ty đầu tư ra nước ngoài và phân bổ sản xuất giữa các nước
- Hình thành các khu vực đầu tư tự do: loại bỏ các rào cản đầu tư giữa các nước

■ Trường hợp điển hình

Tóm tắt chương: Các thành tố của môi trường đầu tư quốc tế



Các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

- Cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước đang phát triển?
- Tác động của các yếu tố “lợi thế tĩnh” và “lợi thế động” trong cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài của nước chủ nhà?
- Tác động của khủng hoảng chính trị khu vực (chiến tranh), khủng bố đối với “lòng tin” của các nhà đầu tư nước ngoài?
- Năng lực cạnh tranh của Việt Nam sau khi gia nhập WTO?

Hướng dẫn câu hỏi thảo luận và đọc chương 5

(Giáo trình ĐTQT, Phùng Xuân Nhạ, 2001)

■ Vấn đề tập trung thảo luận:

- Các yếu tố của môi trường ĐTQT (các câu 1,2,3,4)
- Tầm quan trọng của nghiên cứu môi trường ĐTQT (câu 5)
- Môi trường đầu tư nước ngoài ở Việt Nam (các câu 6,7,8,9)

■ Hướng dẫn đọc chương 5:

- Các tài liệu bắt buộc: giáo trình ĐTQT (trang 105-145), tài liệu tham khảo
- Các tài liệu đọc thêm, tìm kiếm trên internet

Tài liệu tham khảo thêm

1. WTO mở cửa: Luật đầu tư có mời đón đầu tư?
VietnamNet, Tintuc.online ngày 11/07/2006.
2. Ngày mai 1/7: Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư có hiệu lực. *Cập nhật 30/06/2006, <http://www.VNMedia.vn>*
3. Gia nhập WTO: Ảnh hưởng của Trung Quốc đến Việt Nam.
Ngày 07/08/2006. *<http://www.VNexpress.net> (theo Thời báo Kinh tế Việt Nam, TS Phan Minh Ngọc, ĐH Kyushu, Nhật Bản)*
4. Thuỳ Trang, FDI và hiệu ứng gia nhập WTO,
[http:// www.VNexpress.net](http://www.VNexpress.net), ngày 21/01/2008
5. Luận văn thạc sỹ Lê Minh Hiền, 2006, Năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tr. 44-70, 115-119
6. World Investment Report, 2004, tr. 1-20
2005, tr. 1-15
2000, tr. 9-12; 14-22, 33-35
<http://www.uctad.org/templates/>

Hết chương 4